

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2023/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 06 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng

QUY ĐỊNH

Về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Kèm theo Quyết định số: 28/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP); Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện

- Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.
- Dự án nằm trên địa bàn một ấp hoặc khóm, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp của dự án phải có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công dự án.
- Tổng mức đầu tư dự án dưới 500 triệu đồng.
- Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.

5. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 4. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở mức vốn đầu tư công hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy theo điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định hình thức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, theo các hình thức như sau:

1. Hỗ trợ bằng hiện vật: Trên cơ sở văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình và kế hoạch vốn được giao của cấp có thẩm quyền, Ban Quản lý xã (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hiện vật, ký kết hợp đồng, tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán cho đơn vị cung cấp hiện vật theo đúng các quy định hiện hành; đơn vị cung cấp tổ chức vận chuyển hiện vật đến chân công trình hoặc địa điểm thuận lợi nhất theo thỏa thuận trong hợp đồng để giao cho cộng đồng tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

2. Hỗ trợ bằng tiền: Trên cơ sở văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình và kế hoạch vốn được giao của cấp có thẩm quyền, Ban Quản lý xã ký kết hợp đồng với người đại diện cộng đồng; Ban Quản lý xã thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ qua Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch) cho cộng đồng tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nguyên tắc quản lý và thanh toán vốn

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng quy định về quản lý đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).

2. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình được chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư (Ban phát triển ấp) và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án.

3. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với giá và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm, hồ sơ và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ trên bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Điều 6. Phân bổ kế hoạch vốn

1. Việc lập kế hoạch, phân bổ chi tiết kế hoạch thực hiện vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis) theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis).

Điều 7. Thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản, bổ sung tài khoản và thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký của đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước và Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 8. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn

Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh), các tài liệu này là bản chính hoặc sao y bản chính của chủ đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 9. Tạm ứng vốn

1. Mức vốn tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

3. Thu hồi vốn tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 10. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Chi phí quản lý dự án

1. Hồ sơ pháp lý (gửi một lần vào đầu năm hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung): Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Quyết toán vốn đầu tư theo năm ngân sách (Quyết toán theo niên độ)

1. Đối với vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán theo niên độ khi kết thúc năm ngân sách.

2. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo năm ngân sách thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (sau đây viết tắt là Thông tư số 96/2021/TT-BTC), Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định thời gian gửi, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán năm của các đơn vị dự toán, các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thời gian gửi, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán năm của các đơn vị dự toán, các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 13. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp xã quản lý.

3. Lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác: Thực hiện theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và Thông tư số 96/2021/TT-BTC.

4. Đối với công trình thực hiện theo hình thức nhà nước hỗ trợ bằng hiện vật.

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị mặt bằng, kho bãi để bảo quản hiện vật hỗ trợ, mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng hiện vật được bàn giao.

b) Giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra tiền và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thẩm định danh mục dự án đầu tư, cơ cấu các nguồn vốn, lồng ghép, phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan trong việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí từ ngân sách tỉnh theo quy định hiện hành; kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện, thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý, chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân xã; thực hiện quy định về chế độ thông tin báo cáo.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại cấp xã.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định; thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị).

7. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã)

a) Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã theo cơ chế đặc thù; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã tham gia thực hiện xây dựng công trình.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn toàn. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành.

c) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

d) Giao cho Ban phát triển áp trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

đ) Quyết định kế hoạch bảo trì và giao cho cộng đồng dân cư thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

8. Ban Quản lý xã

a) Ban Quản lý xã được thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Trưởng ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, tài chính - kế toán; đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư.

b) Ban Quản lý xã trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại cơ quan kho bạc nhà nước và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; ký hợp đồng với Ban phát triển áp để tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình.

d) Xây dựng kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

9. Ban Phát triển áp

a) Ban Phát triển áp do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng dân cư thống nhất và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận. Ban Phát triển áp phải có ít nhất một thành viên là người có uy tín, kinh nghiệm tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.

b) Lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ban phát triển áp có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

c) Tổ chức thi công công trình, phối hợp với Ban Quản lý xã thực hiện giám sát và nghiệm thu công trình.

d) Trực tiếp quản lý vận hành khai thác công trình xây dựng.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.